

Bản án số: 246 / 2018 / HNGĐ - ST
Ngày: 20 / 7 / 2018
“*V/v tranh chấp Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú ;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử công Ki vụ án thụ lý số: 148/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Huyền Tr**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 25, ấp VB, xã VH, huyện A, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Anh T (Địa)**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 12, ấp VT, xã VH, huyện A, tỉnh An Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Tr trình bày: Năm 2008, bà và ông T được cha mẹ hai bên mai mối, tổ chức đám cưới, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện A, tỉnh An Giang. Sau đám cưới cả hai lên Bình Dương làm thuê. Sau nhiều năm chung sống, bà nhận thấy giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống nên phát sinh mâu thuẫn và cả hai không còn sống chung với nhau, ngày 21/7/2017 bà và ông T có tự làm 01 giấy thỏa thuận ly hôn, cùng ký tên vào đó. Nay xin ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Hồ Vũ K sinh ngày 10/6/2009 và Hồ Gia Th sinh ngày 25/7/2011 hiện đang sống với bà. Ly hôn bà Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hồ Anh T không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Các cháu Hồ Vũ K, Hồ Gia Th trình bày: Các cháu là con chung của bà Tr và ông T. Thời gian cha mẹ không còn chung sống ông T có về thăm các cháu nhưng không hỏi thăm đến mẹ. Nay cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

Để xác định nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của bà Tr, ông T, Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh đối với ông Hồ Phú L, cha ruột ông T và được ông L cho biết trong đời sống vợ chồng của bà Tr, ông T thường phát sinh mâu thuẫn, bà Tr không có ý thức tôn trọng chồng, không làm tròn nghĩa vụ của người vợ, con dâu. Việc bà Tr và ông T xảy ra mâu thuẫn là ở Bình Dương nhưng ông và gia đình đều hay biết, đề nghị Tòa án cho cả hai được ly hôn.

Tòa án đã tổ chức phiên họp công Ki chứng cứ cũng như hòa giải để động viên ông bà chung sống lại nhưng do ông T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T có mặt trình bày ông thuận tình ly hôn, về con chung đồng ý giao bà Tr nuôi dưỡng nhưng phải cho ông thăm con, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo pháp luật, không có vi phạm; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (ghi tắt là HĐXX) không thuộc trường hợp phải thay đổi, Thẩm phán đã công bố các lời Ki của đương sự vắng mặt; bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Tr, ông T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà Tr có đơn xin ly hôn và căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập được về tình trạng hôn nhân của ông bà thì mâu thuẫn là trầm trọng, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Tr. Về con chung đề nghị HĐXX giao cho bà Tr nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng và phân chia tài sản chung, nợ chung do bà Tr không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tr có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết về việc hôn nhân, nuôi con chung với ông T, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 2008, bà Tr và ông T tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2014 thì ông bà mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông bà phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian chung sống giữa bà Tr, ông T thường xảy ra mâu thuẫn và hiện cả hai đã không còn chung sống với nhau, thời gian không chung sống ông T có về thăm các con nhưng không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Ngoài ra vào ngày 21/7/2017 ông bà có làm 01 giấy tự thuận ly hôn, nội dung cả hai đồng ý ly hôn, thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung sau này. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Tr, không tham gia các phiên hòa giải nên xem như ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông, bà là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần cho ông, bà ly hôn.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Bà Tr khai ông bà có 02 con chung là Hồ Vũ K sinh ngày 10/6/2009 và Hồ Gia Th sinh ngày 25/7/2011 hiện đang sống với bà. Ly hôn bà Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Các cháu K, Th đều có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn và bà Tr hiện đang nuôi dưỡng 02 con chung, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu K và cháu Th cho bà Tr nuôi dưỡng. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, bà Tr và người thân không được cản trở việc thăm con chung. Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người

trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Bà Trần Huyền Tr và ông Hồ Anh T được ly hôn.

Về con chung: Bà Tr được quyền nuôi dưỡng các cháu Hồ Vũ K sinh ngày 10/6/2009 và Hồ Gia Th sinh ngày 25/7/2011 hiện đang sống với bà. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở việc thăm con của ông.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002961 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã VH;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo